TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3639/2022/DS-ST
Ngày: 21/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ-THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn L

2. Bà Huỳnh Thị Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy N – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ,Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 563/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5756/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6243/2022/QĐST–DS ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1986
Địa chỉ: 55/107/4 TM, Phường 8, quận TB, TP. M;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1987 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 016213, quyển số 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/06/2021).

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm: 1985
Địa chỉ: 24B Đường 14, phường AK, thành phố Đ, Thành phố M.

Ông Nguyễn Sỹ T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hồng T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ông Nguyễn Sỹ T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/9/2020, ông Nguyễn Thanh L cho ông Phạm Hồng T mượn số tiền 1.700.000.000 *(Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng, thời hạn trả nợ vào ngày

31/12/2020, theo Giấy mượn tiền hai bên ký kết ngày 29/9/2020. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2020, ông T vẫn không thanh toán số tiền nợ nêu trên cho ông L theo như hai bên đã thỏa thuận. Mặc dù ông Nguyễn Thanh L đã liên hệ nhiều lần với ông Phạm Hồng T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay trên nhưng ông T cố tình không trả.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 1.774.310.000 (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi tư triệu ba trăm mười ngàn*) đồng, trong đó: nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 08/06/2021 là 74.310.000 đồng.

Ngày 25/10/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung. Theo đó, ngoài khoản vay 1.700.000.000 *(Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng ngày 29/9/2020, ngày 13/4/2021, ông Phạm Hồng T tiếp tục vay ông L số tiền: 100.000.000 (*Một trăm triệu)* đồng và cam kết trong vòng 10 ngày (kể từ ngày 13/4/2021) sẽ trả cho ông L. Số tiền trên ông L đã chuyển khoản vào tài khoản của ông Phạm Hồng T, tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP KT Việt Nam, TK số: 19034052583015 ngày 13/04/2021. Quá hạn 10 ngày, ông Phạm Hồng T vẫn chưa thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho ông L. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 104.980.000 (*Một trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 4.980.000 đồng.

Ngày 31/8/2022, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 104.980.000 (*một trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 4.980.000 đồng và chỉ yêu cầu bị đơn ông Phạm Hồng T thanh toán số tiền số tiền là 1.774.310.000 (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi tư triệu ba trăm mười ngàn)* đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/06/2021 là 74.310.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L xác định: Số tiền 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng, ông cho ông Phạm Hồng T vay là khoản nợ riêng giữa ông với ông T, không liên quan đến gia đình ông T nên ông chỉ yêu cầu mình ông T trả nợ mà không liên quan đến cá nhân khác.

Bị đơn ông Phạm Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có ông Nguyễn Sỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có bản khai xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 1.774.310.000 (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi tư triệu ba trăm mười ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/9/2022 là 292.660.000 (*Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự và việc chuyển vụ án chưa đúng quy định nên Tòa án án nhân dân thành phố Đ cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 104.980.000 (*một trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 4.980.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 1.992.660.000 (*Một tỷ chín trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/9/2022 là 292.660.000 (*hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phạm Hồng T nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hồng T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ bằng việc niêm yết các văn bản tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được T hành xét xử theo thủ tục chung.

Về người tham gia tố tụng:

Bà Trần Thị Như Q có bản trình bày ý kiến: Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh L, số tiền: 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu)* đồng và 100.000.000

(*Một trăm triệu)* đồng, ông L cho ông Phạm Hồng T vay là tài sản riêng của ông L, bà không liên quan đến số tiền này nên bà không có quyền và nghĩa vụ gì. Xét, bà Q không có quyền và nghĩa vụ gì đối với số tiền ông L cho ông T vay nên không cần thiết đưa bà Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn có ông Nguyễn Sỹ T – đại diện theo ủy quyền có lời khai xác định: Số tiền 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng, ông L cho ông Phạm Hồng T vay là khoản nợ riêng giữa ông L với ông T nên ông L chỉ yêu cầu mình ông T trả nợ, không liên quan đến cá nhân khác.

Về nội dung vụ án:

[1]. Nguyên đơn T hành thủ tục thông báo về việc khởi kiện nguyên đơn và việc triệu tập của Tòa án như: Cung cấp lời khai, tham dự các phiên họp, phiên tòa cho ông Phạm Hồng T nhưng ông Phạm Hồng T không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không thuộc trường hợp phải chứng minh, ông T phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu mà nguyên đơn đưa ra.

[2]. Ngày 31/8/2022, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 104.980.000 (*Một trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 4.980.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L yêu cầu bị đơn Phạm Hồng T trả nợ gốc là 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo "Giấy mượn tiền ngày 29/09/2020", thể hiện nội dung: "*Bên A- Bên mượn tiền: Ông Phạm Hồng T; bên B – Bên cho mượn tiền: Ông Nguyễn Thanh L... Bên B đồng ý cho bên A mượn số tiền 1.700.000.000 VNĐ....ngày 29/9/2020 bên B đã giao đủ số tiền 1.700.000.000 đồng. Bên A xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.700.000.000 đồng* ", đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều xác định chữ viết và chữ ký tên tại mục "người mượn tiền" là của ông Phạm Hồng T. Như vậy, căn cứ vào "Giấy mượn tiền ngày 29/09/2020", xác định ông T có mượn ông L số tiền 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng .

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L trả lãi trên số tiền nợ gốc, tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/09/2022 là 292.660.000 (*Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy mượn tiền ngày 29/9/2020, thể hiện nội dung: "*.... Bên A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã mượn cho bên B vào ngày 31/12/2020, nếu không thực hiện đúng cam kết thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp*

luật". Như vậy tại giấy mượn tiền này thể hiện thời hạn vay là từ 29/9/2020 đến 31/12/2020) nhưng hết thời hạn, ông T đã không trả số tiền đã vay cho ông L, đồng thời tại giấy mượn tiền này không thể hiện lãi suất. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định đây là khoản vay có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Lãi suất được tính như sau: Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/9/2022 là 20 tháng 20 ngày, lãi suất 10%/năm, số nợ gốc 1.700.000.000 đồng : 1.700.000.000 đồng x 0,833% x 20 tháng 20 ngày = 292.660.000 đồng. Như vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông L buộc ông T phải trả tiền gốc và tiền lãi 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng và tiền lãi 292.660.000 (*Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng, tổng cộng: 1.992.660.000 (*Một tỷ chín trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng. Ông T trả số nợ trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Ghi nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc rút kinh nghiệm về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Hồng T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 147; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2009 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh L:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L về việc về việc buộc ông Phạm Hồng T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 104.980.000 (*Một*

trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 4.980.000 đồng.

2/ Buộc ông Phạm Hồng T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 1.992.660.000 (*Một tỷ chín trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng; trong đó: Tiền gốc là: 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu*) đồng và tiền lãi (tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/9/2022) là: 292.660.000 (*Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn*) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 71.779.800 (*Bảy mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi chín triệu tám trăm ngàn*) đồng ông Phạm Hồng T phải chịu. Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32,614,650 (*Ba mươi hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn sáu trăm năm mươi*) đồng theo Biên lai thu số 0028789 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ lập ngày 25/06/2021 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số 0024428 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ lập ngày 15/11/2021.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T